

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Phan Văn Thật.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đinh Thị Bé B**, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp T, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp T, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, bà Đinh Thị Bé B trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H thông qua người làm mai, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1995. Đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB. Sau khi cưới nhau, bà và ông H được gia đình chồng cho đất cất nhà ra ở riêng tại ấp ĐH, một thời gian sau thì chuyển về ấp T, xã TB sống. Thời gian đầu, vợ chồng đã sống không hạnh phúc nhưng bà cố chịu đựng, đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn lớn hơn, ông H thường xuyên chửi mắng và xúc phạm bà. Khoảng 04 năm trở lại đây, ông H chửi mắng và đánh đập bà nên bà và cháu Đinh Thị Bé T là con chung bỏ về nhà mẹ ruột của bà ở ấp T, xã TB sinh sống được

khoảng 06 tháng. Sau đó ông H có đến rước bà và cháu T về, vợ chồng sống được khoảng 02 năm, đến năm 2017 thì ông H lại thường xuyên chửi mắng và tát bà, sự việc này bà có báo cho anh U là Công an ấp biết và có chính quyền địa phương mời lên giải quyết nhưng ông H không tham dự. Bà và ông H đã hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được và bà cũng đã về nhà mẹ ruột ở từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đinh Thị Bé T, sinh ngày 14-01-2005. Hiện cháu T do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà Đinh Thị Bé B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông H, đồng thời yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của bà B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đinh Thị Bé B và ông Nguyễn Văn H tranh chấp về ly hôn; ông H cư trú tại ấp Tây Hòa, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, ông Nguyễn Văn H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà Đinh Thị Bé B và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 06/HT ngày 08-01-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng nên bà cố gắng chịu đựng để giữ hạnh phúc gia đình. Nhưng đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn vì ông H thường xuyên mắng chửi, xúc phạm bà. Nghiêm trọng hơn, từ khoảng năm 2015 đến nay, ông H không những mắng chửi, xúc phạm mà còn đánh bà. Từ khoảng tháng 9-2018, bà đã cùng cháu T bỏ về nhà mẹ ruột của bà sinh sống và từ đó đến nay ông H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù các tình tiết này chỉ do phía bà B nêu, nhưng phía ông H không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Ông H không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà B, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như ông H đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà B và ông H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà B là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa bà B và ông H có 01 con chung là cháu Đinh Thị Bé T, sinh ngày 14-01-2005, hiện cháu T đang do bà B trực tiếp nuôi dưỡng, bà B có yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, cháu T có nguyện vọng được sống với bà B nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm lý của cháu T. Bà B không yêu cầu phía ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này bà B có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Đinh Thị Bé B là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Bé B. Cho bà Đinh Thị Bé B được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Bé T, sinh ngày 14-01-2005 cho bà Đinh Thị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà B chưa yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Bà Đinh Thị Bé B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16523 ngày 25-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như bà B đã thi hành xong án phí.

Bà Đinh Thị Bé B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TB, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực